

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/DS-ST
Ngày 08-12-2023
V/v “Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Liên Lâm Anh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Tâm.

Ông Nguyễn Văn Giáp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2023/TLST-DS, ngày 18 tháng 7 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2023/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Huỳnh Văn L, sinh năm: 1985 “có mặt”.

Cư trú tại: ấp C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Anh Võ Văn T, sinh năm: 1982 “vắng mặt”.

Cư trú tại: ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 07 tháng 7 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Huỳnh Văn L trình bày:

Vào ngày 15/6/2020 anh Huỳnh Văn L có hợp đồng bán thức ăn tôm và thuốc thủy sản cho anh Võ Văn T. Theo hợp đồng thì anh L sẽ giao thức ăn tôm và thuốc thủy sản cho anh T để anh T nuôi tôm theo yêu cầu của anh T, đến khi thu hoạch tôm thì anh T sẽ trả đủ tiền cho anh L. Hai bên không có lập hợp đồng mua bán, mà anh L có mở sổ theo dõi giao nhận hàng và tiền.

Sau khi hợp đồng anh L đã giao đầy đủ thức ăn tôm và thuốc thủy sản cho anh T nuôi tôm theo yêu cầu của anh T, nhưng đến khi thu hoạch tôm thì anh T không trả đủ tiền cho anh L theo hợp đồng mà thiếu lại một ít, rồi tiếp tục mua thức ăn tôm và thuốc thủy sản để nuôi vụ khác. Đến ngày 21/5/2023 giữa anh L và anh T tổng kết nợ thì anh T còn nợ anh L tổng số tiền gốc là 1.036.680.000 đồng, anh T có ký nhận nợ, nhưng từ đó đến nay anh T chưa hoàn trả số tiền nào cho anh L.

Do anh T không hoàn trả tiền cho anh L, nên anh L khởi kiện yêu cầu anh T có trách nhiệm hoàn trả cho anh L số tiền nợ gốc mà anh T còn nợ anh L trong hợp đồng mua bán là 1.036.680.000 đồng và tiền lãi.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, anh Huỳnh Văn L thay đổi yêu cầu khởi kiện: anh L yêu cầu anh Võ Văn T có trách nhiệm hoàn trả cho anh L số tiền nợ gốc mà anh T còn nợ anh L trong hợp đồng mua bán là 1.036.680.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

* Tại biên bản lấy lời khai của đương sự do Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung lập ngày 22/9/2023; biên bản lấy lời khai của đương sự và biên bản hòa giải không thành do Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung lập ngày 31/10/2023 bị đơn anh Võ Văn T trình bày:

Vào ngày 15/6/2020 anh Võ Văn T có hợp đồng mua thức ăn tôm và thuốc thủy sản của anh Huỳnh Văn L. Theo hợp đồng thì anh L sẽ giao thức ăn tôm và thuốc thủy sản cho anh T nuôi tôm theo yêu cầu của anh T, sau khi thu hoạch tôm (khoảng 03 tháng) thì anh T sẽ trả đủ tiền cho anh L. Khi hợp đồng hai bên không có lập hợp đồng mua bán, nhưng anh L có mở sổ theo dõi giao nhận hàng và tiền.

Sau khi hợp đồng anh L đã giao đầy đủ thức ăn tôm và thuốc thủy sản cho anh T theo yêu cầu của anh T, nhưng do anh T hùn nuôi tôm với nhiều người, đến khi thu hoạch tôm thì bị lỗ, nên anh T không trả đủ tiền cho anh L theo hợp đồng mà thiếu lại một ít, rồi tiếp tục mua thức ăn tôm và thuốc thủy sản để nuôi vụ khác. Đến ngày 21/5/2023 giữa anh L và anh T tổng kết nợ thì anh T nợ anh L tổng số tiền gốc là 1.036.680.000 đồng, anh T có ký nhận nợ, nhưng từ đó đến nay anh T chưa hoàn trả số tiền nào cho anh L.

Anh T thừa nhận còn nợ anh L số tiền nợ gốc là 1.036.680.000 đồng và thống nhất hoàn trả cho anh L số tiền gốc là 1.036.680.000 đồng, không đồng ý trả lãi. Anh T yêu cầu được trả dần bằng cách 03 tháng đầu trả 10.000.000 đồng, sau đó mỗi tháng trả 5.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân

sự. Riêng bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: tại phiên tòa, nguyên đơn anh Huỳnh Văn L thay đổi yêu cầu khởi kiện, anh L yêu cầu anh Võ Văn T có trách nhiệm hoàn trả cho anh L số tiền nợ gốc là 1.036.680.000 đồng, không yêu cầu tính lãi là không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của anh L. Anh T thống nhất hoàn trả cho anh L số tiền gốc là 1.036.680.000 đồng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 430, Điều 440 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L, buộc anh T có trách nhiệm hoàn trả cho anh L số tiền nợ gốc là 1.036.680.000 đồng; riêng việc anh T yêu cầu được trả dần không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 7 năm 2023 của nguyên đơn anh Huỳnh Văn L thì anh L kiện Võ Văn T là bị đơn cư trú tại ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ tiền mua bán thức ăn tôm và thuốc thủy sản, nên Hội đồng xét xử xác định là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Anh Võ Văn T là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Huỳnh Văn L thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: anh L yêu cầu anh Võ Văn T có trách nhiệm hoàn trả cho anh L số tiền nợ gốc mà anh T còn nợ anh L trong hợp đồng mua bán là 1.036.680.000 đồng, không tính lãi.

Xét thấy: việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của anh L là tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của anh L.

[2.2] Về nội dung hợp đồng mua bán tài sản giữa anh Huỳnh Văn L và anh Võ Văn T:

Anh Huỳnh Văn L và anh Võ Văn T cùng trình bày anh L có hợp đồng bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản cho anh T để anh T nuôi tôm, theo hợp đồng thì sau khi thu hoạch tôm anh T có nghĩa vụ thanh toán đủ số tiền anh L đã giao hàng. Sau khi hợp đồng thì anh L đã thực hiện đúng nghĩa vụ của bên bán hàng, khi nhận hàng anh T cũng không có ý kiến phản đối gì về số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa mà anh L đã giao, còn anh T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền của bên mua hàng. Tại giấy nhận nợ ngày 21/5/2023 anh T đã ký nhận còn nợ anh L số tiền gốc trong hợp đồng mua bán là 1.036.680.000 đồng, nhưng từ đó đến nay anh T không hoàn trả thêm số tiền nào cho anh L.

Xét thấy: tại thời điểm các bên thực hiện hợp đồng mua bán, anh L và anh T là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, khi giao kết hợp đồng đều hoàn toàn dựa trên cơ sở tự nguyện của các bên, đối tượng giao dịch được pháp luật cho phép, hình thức, nội dung và mục đích của hợp đồng phù hợp với pháp luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 117, Điều 119 và Điều 398 của Bộ luật Dân sự, nên hợp đồng mua bán tài sản có hiệu lực pháp luật.

[3] Xét về yêu cầu của anh Huỳnh Văn L yêu cầu anh Võ Văn T có trách nhiệm hoàn trả số tiền nợ gốc là 1.036.680.000 đồng:

Giữa anh Huỳnh Văn L và anh Võ Văn T đã tự nguyện thực hiện giao dịch mua bán với nhau. Quá trình thực hiện hợp đồng anh L đã thực hiện đúng nghĩa vụ của bên bán hàng, giao đầy đủ hàng theo yêu cầu của anh T, anh T đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền, không thanh toán đầy đủ tiền mua thức ăn cho anh L theo hợp đồng. Anh T thừa nhận đến ngày 21/5/2023 anh T còn nợ anh L số tiền nợ gốc là 1.036.680.000 đồng, nên đây là tình tiết anh L không phải chứng minh theo qui định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do anh T vi phạm nghĩa vụ trả tiền, nên anh L yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc 1.036.680.000 đồng cho anh L là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 430 và Điều 440 của Bộ luật Dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu trả nợ tiền gốc của anh L, xử buộc anh T hoàn trả cho anh L số tiền nợ gốc là 1.036.680.000 đồng.

[4] Đối với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Văn L, buộc anh Võ Văn T có trách nhiệm trả cho anh Huỳnh Văn L số tiền nợ gốc là 1.036.680.000 đồng. Như đã nhận định ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đối với ý kiến của anh Võ Văn T yêu cầu được trả dần số tiền nợ gốc là 1.036.680.000 đồng cho anh Huỳnh Văn L. Xét thấy không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc anh Võ Văn T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 43.100.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm; anh Huỳnh Văn L không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo bản án: Hội đồng xét xử áp dụng Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 117, Điều 119, khoản 2 Điều 357, Điều 398, Điều 430, Điều 440 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Huỳnh Văn L.

Xử buộc anh Võ Văn T có trách nhiệm hoàn trả cho anh Huỳnh Văn L số tiền là 1.036.680.000 đồng (*một tỷ không trăm ba mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng*).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày anh Huỳnh Văn L có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Võ Văn T không thực hiện việc trả nợ thì anh T còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: anh Võ Văn T phải nộp 43.100.400 đồng (*bốn mươi ba triệu một trăm ngàn bốn trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm; anh Huỳnh Văn L không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho anh L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.550.000 đồng (*hai mươi một triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009474 ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung.

3. Về quyền kháng cáo bản án: nguyên đơn anh Huỳnh Văn L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn anh Võ Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật

Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Liên Lâm Anh Thảo